| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH TÂN**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 3 - 2020
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Kim Ngân

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Văn Giữ

2. Ông Hồ Trung Hậu

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.***

Ngày 04 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019; về tranh chấp: "*ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị **H**, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp P, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

*2. Bị đơn:* Anh **T**, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp N, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị H trình bày:*

Chị và anh T sau thời gian tìm hiểu và sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2008; không tổ chức lễ cưới; không cho tặng nữ trang; không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống với gia đình chị ở ấp Thành Phú, xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, hạnh phúc được khoảng 06 năm; có 01 con chung V, sinh ngày 04/6/2012, hiện chị chăm sóc nuôi dưỡng. Trong thời gian chung sống vợ chồng chị không tạo lập được tài sản chung nào; vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ. Mâu thuẫn phát sinh dẫn đến ly hôn là do vợ chồng

thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, anh T không chí thú làm ăn, không quan tâm, chăm sóc gia đình; từ đó vợ chồng thường hay bất hòa, cự cãi nhau đến mức trầm trọng. Chị đã nhiều lần khuyên anh T thay đổi để hàn gắn tình cảm nhưng đều không thành dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến khoảng tháng 5/2015 anh T bỏ về sống bên gia đình anh ở ấp Thành Nghĩa, xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long cho đến nay; hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh T. Con chung: chị yêu cầu được quyền nuôi V, sinh ngày 04/6/2012, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản (tài sản chung, nợ chung): không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu nào khác.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2019 cháu V trình bày: Cha cháu tên T, mẹ cháu tên H. Cha mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu sống với mẹ.

- *Tại phiên tòa*:

Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh T thống nhất với trình bày của chị H về thời gian và quá trình sống chung, vợ chồng anh không đăng ký kết hôn. Anh và chị H có 01 con chung V, sinh ngày 04/6/2012, hiện sống với chị H. Vợ chồng anh không có tài sản chung, không có nợ chung. Do vợ chồng không còn hợp nhau nên anh về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 5/2015 đến nay. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H; anh đồng ý giao con chung cho chị H nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung không tranh chấp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T, anh T có nơi cư trú thuộc huyện Bình Tân nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008. Xét chị H và anh T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, pháp luật không công nhận quan hệ giữa chị H và anh T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị H yêu cầu được quyền nuôi V, sinh ngày 04/6/2012. Xét thấy từ khi chị H và anh T không còn sống chung, chị H là người trực tiếp nuôi con, chị có nghề nghiệp là mua bán quần áo, cuộc sống của con vẫn được đảm bảo;

đồng thời cháu V có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử xem xét giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định của pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên chị H không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản (tài sản chung, nợ chung): chị H và anh T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết

[3] Về án phí: chị H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 14, 15, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh T.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung V, sinh ngày 04/6/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu V được sống chung với chị H.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: chị H và anh T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* do chị H nộp theo biên lai thu số 0011271 ngày 05/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị H đã nộp đủ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

*Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phan Kim Ngân**

*Nơi nhận*:
- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.